

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM  
(TEST REPORT)

Số/ No.: 04092604/KQ  
Tên khách hàng/ Customer : CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐÀ NẴNG  
Địa chỉ/ Address : 57 Xô Viết Nghệ Tĩnh, phường Hòa Cường, Thành phố Đà Nẵng  
Loại mẫu/ Type of sample : Nước sạch  
Tên mẫu/ Name of sample : Tên mẫu: NƯỚC SẠCH MẠNG LƯỚI NHÀ MÁY NƯỚC CẦU ĐỎ 12  
Mã số mẫu/ Code of sample : Vị trí lấy mẫu: Số 286 Trần Cao Vân, phường Thanh Khê, Thành phố Đà Nẵng  
Mô tả mẫu/ Sample description : 040926-045  
Số lượng/ Quantity : Mẫu nước đựng trong chai nhựa 0,5L  
Ngày nhận mẫu/ Date of receiving : 01 mẫu  
Ngày trả kết quả/ Date of result : 04/09/2026 : 15/09/2026

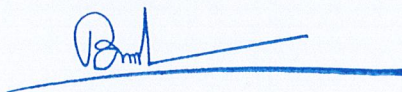
| TT<br>(No.) | Chỉ tiêu<br>(Characteristic)                                                            | Đơn vị<br>(Unit) | Phương pháp thử<br>(Test method) | Kết quả<br>(Result)  | QCVN 01-1:2024/BYT |
|-------------|-----------------------------------------------------------------------------------------|------------------|----------------------------------|----------------------|--------------------|
|             |                                                                                         |                  |                                  | 040926-045           |                    |
| 1           | (a) Arsen/Arsenic (As)                                                                  | mg/L             | SMEWW 3125B: 2023                | KPH<br>(LOD = 0,002) | 0,01               |
| 2           | Amoni (NH <sub>3</sub> và<br>(a) NH <sub>4</sub> <sup>+</sup> tính theo N)/<br>Ammonium | mg/L             | TCVN 6179-1:1996                 | KPH<br>(LOD = 0,03)  | 1                  |

**Nhân xét:** Mẫu nước có các chỉ tiêu phân tích nằm trong ngưỡng giới hạn của Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 01-1:2024/BYT. /The water sample's parameters were inside the permissible limits specified in the National Technical Regulation QCVN 01-1: 2024/BYT.

**Ghi chú/Notes:**

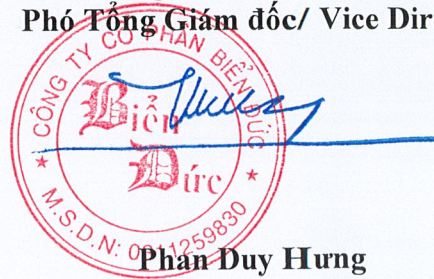
- (\*) Kết quả được biểu thị "<1 CFU" được xem là "không phát hiện vi sinh vật mục tiêu" trên thể tích mẫu kiểm tra. /Results expressed as "<1 CFU" are considered as "no target microorganisms detected" on the test sample volume.
- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm/ Test results are valid for the analysis sample only.
- Mẫu được lưu 5 ngày, kể từ ngày trả kết quả, ngoại trừ chỉ tiêu vi sinh/ Sample is stored 5 days after reased the test results, except for microbiological criteria.
- KPH: Không phát hiện/ Not detected; LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp/ Limit of detection; LOQ: Giới hạn định lượng của phương pháp/Limit of quantitation.
- Phòng thí nghiệm đã được Bộ Khoa học và Công nghệ cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động thử nghiệm (317/TN-TDC)/ The Testing Lab is granted a Certificate of Registration for Testing Activities (317/TN-TDC) by the Ministry of Science and Technology.
- (a): Phương pháp đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng quốc gia (BOA) – Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 599)/ Method is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation – Viet Nam (Vilas 599).

Trưởng phòng dịch vụ phân tích  
(Head of analytical services)



Nguyễn Đoàn Bình

KT. Tổng Giám đốc/ PP.Director  
Phó Tổng Giám đốc/ Vice Director



Phan Duy Hưng